| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHƯỚC LONG**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **13**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 4 – 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1.Ông Huỳnh Văn Đường

2. Ông Nguyễn Văn Ngần

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX - ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phi S, sinh năm 1991 (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A - sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phi S trình bày:***

Anh Nguyễn Phi S và chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

vào ngày 30/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống cùng nhau, chị A sinh sống và làm việc tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, anh S sinh sống và công tác tại đơn vị. Đến tháng 12 năm 2019, vợ chồng mới chung sống cùng nhau tại khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh S được ly hôn với chị A.

Quá trình chung sống, anh S và chị A có hai người con chung tên Nguyễn Anh P, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 27/3/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu P và cháu Q do anh S trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu P và Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Anh S trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Lan A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của chị A.*

***Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát***:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con có bị đơn trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10. Do vậy, hôn nhân giữa anh S và chị A là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú trong thời gian sống chung thì xét thấy trong quá trình chung sống giữa anh S và chị A có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị A đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 cho anh S được ly hôn với chị A.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, anh S có công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian sống ly thân, anh S vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng và các quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung. Đồng thời, cháu Phi cũng có nguyện vọng được ở với cha. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của anh S; giao hai cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 27/3/2018 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu P và Q đủ 18 tuổi. Chị A không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Phi S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan A.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Anh Phi, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 27/3/2018 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu P và Q đủ 18 tuổi.

Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về án phí:

Anh S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008xxx ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

*"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (số 10, ngày 30/01/2015)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Trần Ánh Nguyệt**